

BÁO CÁO

THƯỜNG NIÊN

NĂM 2019

**CAP- CAP – CAP – CAP – CAP – CAP **

I. Thông tin chung

1. Khái quát

Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Tên giao dịch quốc tế : YENBAI JOINT – STOCKS FOREST AGRICULTURAL PRODUCTS AND FOODSTUFF COMPANY

Tên viết tắt : YFATUF

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5200116441 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2004, thay đổi lần 8 ngày 25 tháng 09 năm 2019

Vốn điều lệ : 52.360.230.000 VND

Địa chỉ trụ sở chính : Số nhà 279 – đường Nguyễn Phúc - phường Nguyễn Phúc – thành phố Yên Bái – tỉnh Yên Bái

Điện thoại : 0216.3862.278

Fax : 0216.3862.804

Website : www.yfatuf.com.vn

Email : yfatuf@gmail.com

Mã chứng khoán : CAP

2. Quá trình hình thành và phát triển Công ty

- Công ty Cổ phần lâm nông sản thực phẩm Yên Bái tiền thân là Nhà máy giấy Yên Bái được thành lập từ năm 1972. Công ty đã trải qua nhiều giai đoạn thăng trầm chuyển đổi từ nền kinh tế bao cấp sang kinh tế thị trường. Đến năm 1994 được thành lập lại và đổi tên là Công ty Chế biến lâm nông sản thực phẩm Yên Bái theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái.
- Thực hiện theo Quyết định số 276/QĐ UB ngày 27 tháng 8 năm 2004 của UBND tỉnh Yên Bái, về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển doanh nghiệp nhà nước Công ty Chế biến lâm nông sản thực phẩm thành Công ty Cổ phần lâm nông sản thực phẩm Yên Bái.
- Công ty Cổ phần chính thức hoạt động từ 01.10. 2004 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Yên Bái cấp.
- Vốn điều lệ ban đầu 5 tỷ đồng, do cổ đông người lao động trong doanh nghiệp nắm giữ 100%.
- Ngày 09.01.2008 chính thức giao dịch phiên đầu tiên tại sàn Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà nội nay là Sở giao dịch chứng khoán Hà nội.
- Tăng vốn điều lệ:
 - Năm 2006 tăng vốn điều lệ lần thứ nhất từ 5 tỷ lên 6 tỷ đồng.
 - Năm 2007 tăng vốn điều lệ lần thứ hai từ 6 tỷ lên 11 tỷ đồng.
 - Năm 2011 tăng vốn điều lệ lần thứ ba từ 11 tỷ lên 17 tỷ đồng.

- Năm 2013 tăng vốn điều lệ lần thứ tư từ 17 tỷ lên 34 tỷ đồng.
- Năm 2016 tăng vốn điều lệ lần thứ năm từ 34 tỷ lên 47 tỷ đồng.
- Năm 2019 tăng vốn điều lệ lần thứ sáu từ 47 tỷ lên 52 tỷ đồng

3. Ngành nghề và sản phẩm

- Ngành nghề đăng ký kinh doanh:

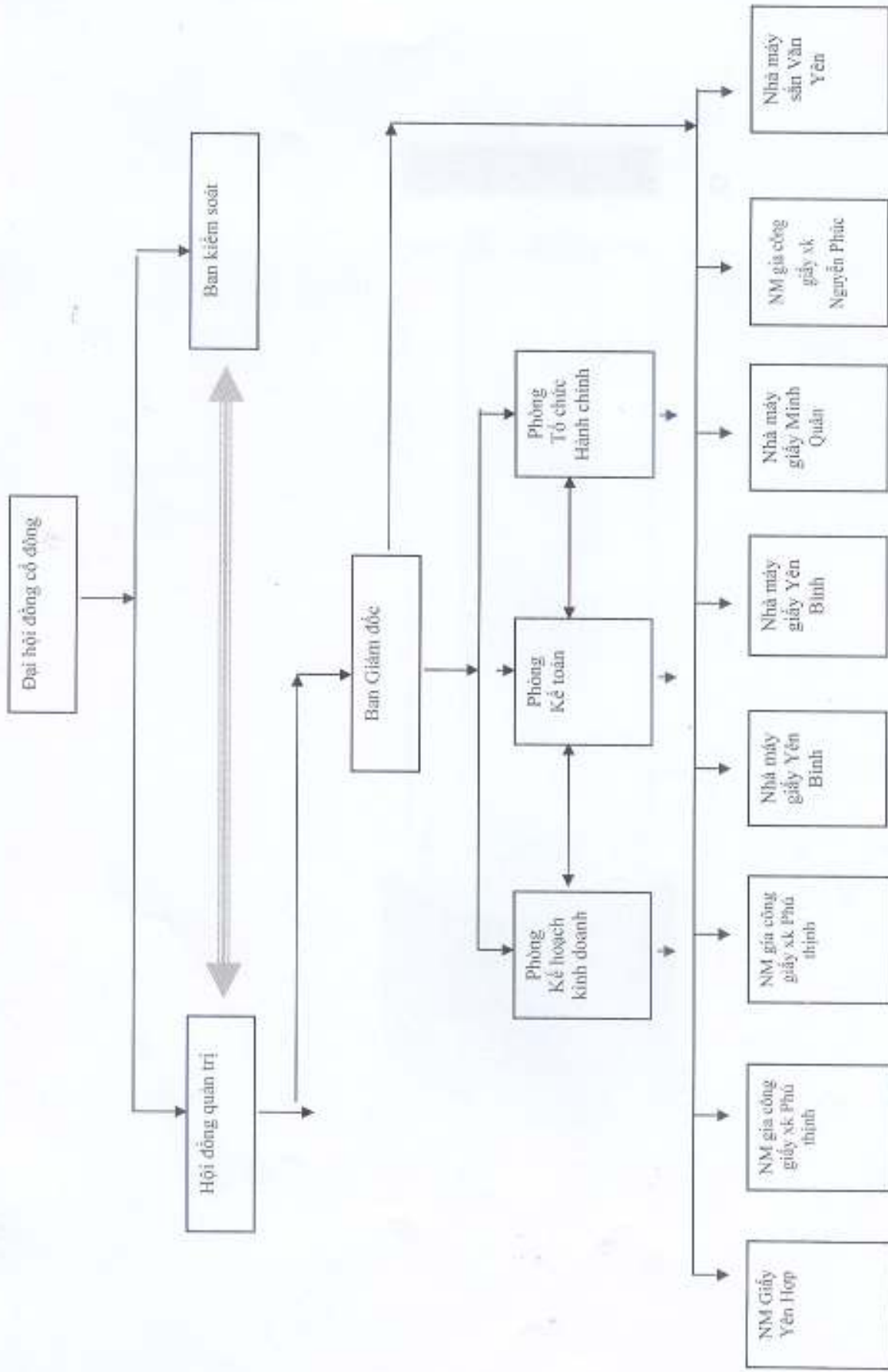
- Chế biến, gia công, kinh doanh lâm sản.
- Chế biến, gia công, kinh doanh nông sản thực phẩm.
- Kinh doanh xuất nhập khẩu phụ tùng, vật tư, thiết bị, hàng hóa tổng hợp.
- Kinh doanh dịch vụ du lịch, thương mại tổng hợp; dịch vụ khách sạn, nhà hàng, cho thuê văn phòng.

- Sản phẩm chủ yếu hiện nay tại Công ty:

- Giấy để
- Giấy vàng mã
- Tinh bột sắn
- Tinh dầu quế
- Bã sắn khô
- Ván bóc

4. Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý

164
IG T
PH
ÔNG
IC PH
EN E
BÁI



1:18
 AI
 5/27/17

5. Định hướng phát triển doanh nghiệp

+ Giai đoạn 2014- 2019:

- Tập trung ổn định sản xuất kinh doanh các sản phẩm truyền thống. Thực hiện mọi biện pháp tăng khả năng cạnh tranh, nâng cao hiệu quả sản xuất, tạo lợi thế và tiềm lực tài chính cho thực hiện chiến lược phát triển Công ty giai đoạn tiếp theo.
- Nghiên cứu , đầu tư phát triển sản phẩm mới: vô quế, tinh bột khoai lang, bột biến tính.
- Doanh thu đến năm 2019 đạt 380 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 23 tỷ, cổ tức đạt từ 30%/ năm trở lên, tăng vốn điều lệ đạt từ 40 tỷ đồng trở lên.

+ Mục tiêu phát triển bền vững :

- Chăm lo đời sống từ vật chất tới tinh thần cho người lao động trong doanh nghiệp.
- Chú trọng đầu tư cải thiện ngày càng tốt hơn công tác môi trường trong sản xuất.
- Về nhân sự: lập phương án quy hoạch cán bộ chủ chốt giai đoạn 2016- 2020, giai đoạn 2020- 2025.
- Đầu tư vùng nguyên liệu ổn định bền vững thông qua nhiều hình thức.

II. Hoạt động trong năm

1. Sản xuất kinh doanh

- Kết quả sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	KH 2019	Thực hiện 2019	So sánh
Doanh thu (tr đ)	300.000	365.865	121,9 %
Lợi nhuận sau thuế (tr đ)	≥ 16.000	21.502	134,4 %

- So sánh với năm trước:

Chỉ tiêu	2017		2018		2019	
	ST	% tăng trưởng so với năm trước liền kề	ST	% tăng trưởng so với năm trước liền kề	ST	% tăng trưởng so với năm trước liền kề
Doanh thu (tr.đồng)	272.608	84%	388.637	142%	365.865	94%
Lợi nhuận sau thuế (tr.đồng)	14.681	77%	34.639	235%	21.502	62%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP)	2.837	77%	6.695	235%	3.778	56%

- Doanh thu năm 2018 tăng chủ yếu do tiêu thụ lượng tinh bột sắn tồn năm 2017 chuyển sang, giá bán giấy tăng do tăng tỷ trọng mặt hàng giấy chất lượng cao đồng thời sản lượng giấy tăng.
- Năm 2018 cũng là năm cuối của giai đoạn 2014 – 2019 có đủ 12 tháng, sang năm 2019 chỉ có 9 tháng (theo NQĐHĐCĐ 2018 đã thông qua về việc thay đổi năm tài chính).
- Năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đã Nghị quyết là năm đầu tiên thực hiện niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/10 trước và kết thúc vào ngày 30/9 năm sau. Do đó, năm tài chính 2019 Công ty chỉ thực hiện 9 tháng, vì vậy so sánh tăng trưởng với năm trước các chỉ tiêu đều giảm.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành :

+ Từ 01/01/2019 đến 30/11/2019:

Ông Trần Công Bình	:	Chủ tịch HĐQT Công ty
Ông Nguyễn Quốc Trinh	:	Giám đốc Công ty
Ông Lê Long Giang	:	Phó giám đốc Công ty
Ông Nguyễn Văn Trữ	:	Phó giám đốc Công ty
Ông Nguyễn Huy Thông	:	Phó giám đốc Công ty (Bỏ nhiệm từ 01/6/2019)
Bà Hứa Minh Hồng	:	Kế toán trưởng

- Số lượng cán bộ công nhân viên và chính sách đối với người lao động:

- Số lượng cán bộ công nhân viên thời điểm 30/09/2019: 529 người, trong đó trình độ lao động thể hiện qua các chỉ số sau:

Thạc sĩ	:	04 người
Đại học	:	68 người
Cao đẳng	:	30 người
Trung cấp	:	64 người
Công nhân kỹ thuật và sơ cấp	:	157 người
LD phổ thông	:	206 người

- Chính sách đối với người lao động: Đảm bảo đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động như chế độ bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thân thể, tổ chức các hoạt động xã hội của tổ chức công đoàn – đoàn

thanh niên, đào tạo nâng cao trình chuyên môn – tay nghề , nghi
mát...Thu nhập bình quân người lao động đạt 7.000.000 đ/người
tháng.

3. Tình hình đầu tư

- Dự án nâng cấp cải tạo hệ thống xử lý nước thải nhà máy sản Văn yên với tổng mức đầu tư dự kiến 13.493 triệu đồng, đầu tư bằng nguồn vốn tự có, thực hiện theo hình thức chia khóa trao tay. Hiện nhà thầu vẫn đang tiếp tục hoàn thiện các hạng mục của dự án.
- Thực hiện xong dự án cải tạo và nâng cấp hệ thống xử lý nước thải tại nhà máy giấy Yên hợp với tổng mức đầu tư 2,5 tỷ đồng bằng vốn tự có.

4. Tình hình tài chính

a- Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	2017		2018		2019	
	ST	% tăng trưởng so với năm trước liên kế	ST	% tăng trưởng so với năm trước liên kế	ST	% tăng trưởng so với năm trước liên kế
Doanh thu (tr.đồng)	272.608	84%	388.637	142%	365.865	94%
Lợi nhuận sau thuế (tr.đồng)	14.681	77%	34.639	235%	21.502	62%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP)	2.837	77%	6.695	235%	3.778	56%



b- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2017	2018	2019
1	Hệ số khả năng thanh toán				
	Hệ số khả năng thanh toán tổng quát	Lần	2,23	2,79	3,86
	Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,71	2,23	2,88
	Hệ số khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,34	0,63	2,24
2	Tỷ suất lợi nhuận				
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	20,36	33,83	25,03
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu	%	36,98	52,74	33,79
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,39	8,91	5,88
3	Khả năng sinh lời của VCSH				
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn đầu tư của chủ sở hữu	%	30,84	72,77	41,07
4	Vòng quay vốn lưu động	vòng/năm	6,8	8,5	7,1
5	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (thời điểm 30/11/2019)	CP	5.236.023		
6	Số lượng cổ phiếu quỹ	CP	Không		



5. Cơ cấu cổ đông

Các dữ liệu thống kê về cổ đông - thời điểm gần nhất chốt danh sách:
29/10/2019 (riêng với cổ đông nội bộ theo báo cáo đến 30/11/2019)

Cổ đông	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Số cổ phiếu	%	Số cổ phiếu	%	Số cổ phiếu	%
1. Cổ đông nội bộ	1.762.514	33,66			1.762.514	33,66
<i>HDQT</i>	1.687.378	32,23			1.533.981	32,23
<i>Ban GD</i>	26.296	0,50			26.296	0,50
<i>Ban KS</i>	48.840	0,93			48.840	0,93
2. Cổ đông khác	3.366.502	64,30	107.007	2,04	3.473.509	66,34
<i>Cá nhân</i>	3.366.977	64,28	76.191	1,46	3.442.168	65,74
<i>Tổ chức</i>	525	0,01	30.816	0,59	31.341	0,60
Tổng số vốn điều lệ	5.129.016	97,96	107.007	2,04	5.236.023	100,00

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

TT	Chỉ tiêu	đvt	Số lượng
1	Tổng lượng nguyên vật liệu chính dùng để sản xuất		
	Tre, nứa, ... xenlulo sợi dài	tấn	32.403
	Sắn củ tươi	tấn	54.939
	Cành lá quế	tấn	2.442
	Gỗ rừng trồng	m ³	648
2	Tiêu thụ năng lượng		
	Điện	Kw	8.455.520
	Củi (tận thu cành ngọn, ...)	ste	46.527
3	Tiêu thụ nước		
	Nguồn cung cấp (tự khai thác và mua)		nước mặt
	Lượng nước sử dụng	m ³	1.576.490
4	Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường		
	Số lần bị xử phạt	lần	
	Tổng số tiền do bị xử phạt	Tr.đ	
5	Chính sách người lao động		

	Số lượng lao động	người	529
	Mức lương trung bình đối với người lao động	Tr.đ/người tháng	7.0
	<i>Chính sách nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi cho người lao động</i>		
	Trang bị bảo hộ lao động đầy đủ cho người lao động ở từng vị trí làm việc theo qui định của Nhà nước	Tr.đ	152
	Khám sức khỏe định kỳ 100% người lao động, đo môi trường lao động	Tr.đ	
	Tổ chức cho 1/4 CBCNV nghỉ mát, tham quan học tập trong nước	Tr.đ	1.656
	Tổ chức hoạt động và tặng quà chị em phụ nữ vào các ngày 8/3 và 20/10	Tr.đ	50,6
	Tổ chức các hoạt động và tặng quà cho các cháu là con em CBCNV trong Công ty nhân dịp Quốc tế thiếu nhi và Trung thu		
	<i>Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp</i>		
	Kinh tế hội nhập		
	An toàn phòng chống cháy nổ		
	Giao dịch điện tử thương mại		
	Tập huấn an toàn vệ sinh lao động	trđ	90,7
	Huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy	trđ	40,3
	Tập huấn về Luật lao động		
	Tập huấn dân quân tự vệ		
	Tập huấn công tác công đoàn, công tác thanh niên, đảng,...		
6	Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng		
	Tham gia ủng hộ các chương trình từ thiện, phúc lợi xã hội, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai	Trđ	
	Hỗ trợ phát triển nông thôn mới và cơ sở hạ tầng tại huyện Văn yên	Trđ	

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019

a- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	2017	2018	2019		%	
			KH	TH	So với KH	So với 2018
Doanh thu (tr.đ)	272.608	388.637	300.000	365.865	121	94
Trong đó XK (tr.đ)	84.916	90.102		66.667		74
LN sau thuế (tr.đ)	14.681	34.639	≥ 16.000	21.502	134	62
Nộp ngân sách (tr.đ)	23.219	31.723	100% số phát sinh	23.700		75

b- Doanh thu tiêu thụ các sản phẩm chính:

Đvt: trđ

Sản phẩm	Tổng doanh thu (trđ)	Trong đó (tr đ) :	
		Nội tiêu	Xuất khẩu
Năm 2017	272.376	187.692	84.684
Giấy để	97.977	83.157	14.820
Giấy vàng mã	69.864		69.864
Tinh bột sắn	78.604	78.604	
Tinh dầu quế	21.156	21.156	
Bã sắn	4.775	4.775	
Năm 2018	388.637	298.535	90.102
Giấy để	119.966	108.706	11.260
Giấy vàng mã	78.842		78.842
Tinh bột sắn	167.880	167.880	
Tinh dầu quế	12.467	12.467	
Bã sắn	5.293	5.293	
Năm 2019	365.865	299.198	66.667
Giấy để	96.944	88.098	8.846
Giấy vàng mã	57.821		57.821
Tinh bột sắn	198.946	198.946	
Tinh dầu quế	5.340	5.340	
Bã sắn	4.989	4.989	
Ván bóc + khác	-1.825	1.825	

2. Tình hình tài chính

Năm 2019 tình hình tài chính của Công ty luôn ổn định, việc bán hàng và thu hồi công nợ được trú trọng. Hoạt động SX-KD luôn ổn định, doanh thu và lợi nhuận sau thuế vượt so với kế hoạch đề ra. Đây cũng là năm đầu tiên thực hiện thay đổi kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/10 năm trước và kết thúc vào 30/9 năm sau để phù hợp với tình hình sản xuất theo mùa vụ của mặt hàng tinh bột sắn của Công ty. Do đó, kỳ kế toán năm 2019 theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 chỉ có 9 tháng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- HĐQT có những nghị quyết kịp thời để Ban giám đốc trong việc điều hành mọi hoạt động SX-KD của Công ty đạt hiệu quả cao hơn so với kế hoạch.
- HĐQT xây dựng và triển khai phương án nhân sự có chiều sâu, đặc biệt là công tác cán bộ.
- Hoàn thiện quy chế đã có, bổ sung hàng loạt quy chế mới góp phần cải tiến quy trình quản lý trong đơn vị.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Ổn định hoạt động SX-KD của các mặt hàng hiện có.
- Tiếp tục nghiên cứu, triển khai xây dựng các dự án sản phẩm mới chế biến các sản phẩm từ cây quế, tinh bột biến tính.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá chung:

- HĐQT bám sát mọi diễn biến tình hình trong hoạt động SX-KD của Công ty. Đã tiến hành nhiều phiên họp nhằm chỉ đạo Ban Giám đốc (BGD) thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch được ĐHCĐ giao. Đặc biệt

để đạt được các chỉ tiêu trong năm 2019, HĐQT đã đồng hành cùng BGD triển khai kế hoạch SX-KD của từng mặt hàng, bám sát diễn biến của thị trường và đề ra nhiều giải pháp tích cực trong quá trình SX-KD của Công ty.

- HĐQT đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát chặt chẽ đối với hoạt động của BGD. Giám đốc Công ty thường xuyên báo cáo tình hình hoạt động với HĐQT và thảo luận bàn bạc đưa ra nhiều giải pháp kịp thời đảm bảo hoạt động SX-KD của Công ty đạt được hiệu quả nhất.

2. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị :

- Ổn định và phát triển bền vững Công ty trên cơ sở các mặt hàng hiện có. Nâng cao hiệu quả trong hoạt động SX-KD của Công ty trên cơ sở tiết kiệm chi phí sản xuất.
- Kiện toàn bộ máy quản lý phù hợp với tình hình SX-KD của Công ty, xây dựng chiến lược đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.
- Tăng cường công tác quản lý, giám sát các hoạt động của Ban giám đốc và bộ máy giúp việc của Công ty.
- Tổ chức các phiên họp thường kỳ để thảo luận, giám sát và thông qua các báo cáo hoạt động của Ban giám đốc Công ty, chi đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT Công ty.
- Tiếp tục rà soát, bổ sung và điều chỉnh Hệ thống Nội quy – Quy chế - Quy định của Công ty phù hợp với tình hình hoạt động SX-KD.
- Đảm bảo ổn định việc làm, thu nhập, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho CB CNV trong công ty.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

- Tóm tắt lý lịch các cá nhân trong Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015 – 2019

a/ Ông Trần Công Bình – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

Giới tính : Nam
Số CMND : 060554079
Sinh ngày : 25/5/1957
Quốc tịch : Việt nam
Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : Tổ 46- phường Hồng hà
– TP Yên Bái – tỉnh
Yên Bái
Trình độ văn hóa : 10/10
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
Số cổ phiếu đang nắm giữ : 344.919 CP

b/ Ông Nguyễn Quốc Trinh- Thành viên Hội đồng quản trị - Giám đốc Công ty.

Giới tính : Nam
Số CMD : 060566414
Sinh ngày : 21/01/1959
Quốc tịch : Việt nam
Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : Tổ 14- phường Hồng hà
– TP Yên Bái – tỉnh
Yên Bái
Trình độ văn hóa : 10/10
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
Số cổ phiếu đang nắm giữ : 232.348 CP

c/ Bà Hoàng Thị Bình - Thành viên Hội đồng quản trị

Giới tính : Nữ
Số CMND : 060643727
Sinh ngày : 20/05/1959
Quốc tịch : Việt nam
Dân tộc : Tày
Địa chỉ thường trú : Tổ 51 - phường Minh
tân – TP Yên Bái – tỉnh
Yên Bái
Trình độ văn hóa : 10/10
Trình độ chuyên môn : Dược sỹ đại học
Số cổ phiếu đang nắm giữ : 619.080 CP

3011
ÔNG
Ổ PH
1 NĂM
IUC P
YÊN
V BAI

d/ Bà Hứa Minh Hồng – Thành viên Hội đồng quản trị - Kế toán trưởng Công ty.

Giới tính : Nữ
Số CMND : 060738575
Sinh ngày : 12/8/1965
Quốc tịch : Việt nam
Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : Tổ 27A - phường Nguyễn Phúc – TP Yên Bái – tỉnh Yên Bái
Trình độ văn hóa : 10/10
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
Số cổ phiếu đang nắm giữ : 252.331 CP

e/ Bà Trương Thị Hoàng Yến – Thành viên Hội đồng quản trị

Giới tính : Nữ
Số CMND : 015185000063
Sinh ngày : 15/12/1985
Quốc tịch : Việt nam
Dân tộc : Tày
Địa chỉ thường trú : Nhà 27 – Huỳnh Thúc Kháng – Đống Đa – Hà Nội
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ kinh tế chính trị
Số cổ phiếu đang nắm giữ : 238.700 CP

- Trong năm 2019 HĐQT đã họp 08 phiên định kỳ và bất thường: Kịp thời xem xét và ra nghị quyết chỉ đạo thực hiện các dự án, sản xuất kinh doanh, nội dung hoạt động của Công ty.

2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015 – 2019

- Ông Nguyễn Thanh Bình – Trưởng Ban kiểm soát

Giới tính : Nam
Số CMND : 060356535
Sinh ngày : 20/03/1961
Quốc tịch : Việt nam
Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : Tổ 2 - phường Nguyễn Thái Học – TP Yên Bái – tỉnh Yên Bái
Trình độ văn hóa : 10/10
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
Số cổ phiếu đang nắm giữ : 44.000 CP

- Ông Lương Quốc Quyền - Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách

Giới tính : Nam
Số CMND : 060595912
Sinh ngày : 15/12/1981
Quốc tịch : Việt nam

Dân tộc : Tày
Địa chỉ thường trú : SN 80 – phường Đồng tâm – thành phố Yên Bái – tỉnh Yên Bái

Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư quản trị kinh doanh

Số cổ phiếu đang nắm giữ : 3.190 CP

- Ông Trần Sỹ Lâm - Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách – Bổ nhiệm 13/04/2019

Giới tính : Nam
Số CMND : 060377487
Sinh ngày : 12/9/1965
Quốc tịch : Việt nam

Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : Tổ 8- phường Hợp Minh – tp Yên Bái – tỉnh Yên Bái

Trình độ văn hóa : 10/10
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Điện
Số cổ phiếu đang nắm giữ : 1.650 CP

- Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát, trong năm 2019 Ban kiểm soát đã họp 04 phiên để triển khai nội dung hoạt động, đồng thời kết hợp với nhiệm vụ chuyên môn, hàng tháng đều kiểm tra tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác quản lý tài chính, việc thực hiện chế độ chính sách Nhà nước và Điều lệ tại Công ty.

3. Lợi ích, thù lao, giao dịch của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

a- Thù lao

- Thù lao của HĐQT năm 2019: phụ cấp kiêm nhiệm 144 triệu đồng, lương chuyên trách 580 triệu đồng, trang bị 01 điện thoại cầm tay và 01 bộ quần áo/ thành viên ngoài ra không có các khoản lợi ích và chi khác.
- Thù lao của BKS năm 2019: phụ cấp kiêm nhiệm 42 triệu đồng, lương chuyên trách 497 triệu đồng, trang bị 01 điện thoại cầm tay và 01 bộ quần áo/ thành viên ngoài ra không có các khoản lợi ích và chi khác.

b- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan:

TT	Người thực hiện giao dịch	Chức danh, quan hệ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm
			Số cổ phiếu	%	Số cổ phiếu	%	
1	Trần Công Bình	CT HĐQT	313.563	6,59	344.919	6,59	Tăng VCHS
2	Nguyễn Quốc Trinh	UV HĐQT	211.226	4,44	232.348	4,44	Tăng VCHS
3	Hoàng Thị Bình	UV HĐQT	562.800	7,75	562.800	7,75	Tăng VCHS
4	Hứa Minh Hồng	UV HĐQT	229.392	4,82	252.331	4,82	Tăng VCHS
5	Trương Thị Hoàng Yến	UV HĐQT	217.000	4,56	238.700	4,56	Tăng VCHS
6	Nguyễn Thanh Bình	Trưởng BKS	28.000	0,59	44.000	0,59	Mua, Tăng VCHS
7	Lương Quốc Quyền	UV BKS	2.900	0,06	3.190	0,06	Tăng VCHS
8	Trần Sỹ Lâm	UV BKS	1.500	0,03	1.650	0,03	Tăng VCHS

c- Hạn chế và thách thức

- Triển khai thực hiện các dự án đầu tư chậm tiến độ, chưa hiệu quả.
- Trong điều hành hoạt động SX-KD, chưa có sự phân tích, đánh giá kịp thời theo sự biến động của thị trường.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán độc lập : Báo cáo tài chính tổng hợp đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần lâm nông sản thực phẩm Yên Bái tại thời điểm 30/09/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán , chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt, tuân thủ các yêu cầu theo Luật chứng khoán và các thông tư hiện hành. Chi tiết xem tại website: www.yfatuf.com.vn

Yên Bái, ngày 30 tháng 11 năm 2019

CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN QUỐC TRINH

